

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1577/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

2. Bà Đinh Thị Tuyết Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/5/2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 313/HNST ngày 24/02/2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1849/2023/QĐXXST-DS ngày 24/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Nguyễn Thanh V, sinh năm 1984, số căn cước công dân: 079184010085 cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Vũ Lê C, sinh năm 1985, số căn cước công dân: 079085037289 cấp ngày 21/12/2021.

Thường trú: Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà V và ông C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải.

- Ý kiến trình bày của nguyên đơn là bà Lê Nguyễn Thanh V:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Vũ Lê C lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 quyển số 01/2014, đăng ký

ngày 20/11/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quá trình chung sống chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Vũ Lê C. Hai vợ chồng đã tự sống ly thân được hơn nửa năm.

Về con chung: 02 (hai) con chung tên Vũ Kim Ng, giới tính nữ, sinh ngày 31/10/2014 và Vũ Công M, giới tính nam, sinh ngày 03/01/2020. Bà Lê Nguyễn Thanh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Công M, giao trẻ Vũ Kim Ng cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Vũ Lê C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Lê Nguyễn Thanh V về mâu thuẫn trong quá trình hôn nhân. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng về tính cách và quan điểm sống dẫn đến không có tiếng nói chung. Nay bà Lê Nguyễn Thanh V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với tôi thì tôi đồng ý.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 (hai) con chung tên Vũ Kim Ng, giới tính nữ, sinh ngày 31/10/2014 và Vũ Công M, giới tính nam, sinh ngày 03/01/2020. Tôi không đồng ý với yêu cầu nuôi con chung của bà Lê Nguyễn Thanh V, tôi mong muốn được nuôi cả 02 (hai) con chung do gia đình bà V ở trong một căn nhà có diện tích nhỏ nhưng có tới 05 người cư trú, con không có bàn học, không đủ điều kiện để con chung phát triển ổn định.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà V và ông C đã thuận tình ly hôn, thống nhất ý kiến về tài sản chung và nợ chung nhưng chưa thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn là bà Lê Nguyễn Thanh V giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là ông Vũ Lê C giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: về quan hệ hôn nhân, do nguyên đơn và bị đơn đã thuận tình ly hôn nên đề nghị công nhận việc thuận tình ly hôn của đương sự. Về con chung thì cả hai bên đương sự đề đủ điều kiện nuôi con, đề nghị giao trẻ Vũ Công M cho bà V và giao trẻ Vũ Kim Ng cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của ông C và bà V về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 65 quyền số 01/2014, đăng ký ngày 20/11/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa bà V và ông C là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C, đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả Phiếu xác minh của Tòa án nhân dân Quận 1 tại Công an phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức thì ông C cư ngụ tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận 1 chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 41, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

[2.1] *Về hôn nhân:*

Bà V yêu cầu ly hôn với ông C. Theo bà V trình bày thì quá trình chung sống vợ chồng bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Lê C. Hiện nay bà và ông C cũng đã sống ly thân, tự độc lập về kinh tế, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau.

Ông C xác nhận trình bày mâu thuẫn về quan hệ hôn nhân của bà V là đúng sự thật, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà V và ông C đều thừa nhận mâu thuẫn hôn nhân của ông bà, hai bên đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không được, hiện nay hai bên đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai đều có ý chí tự nguyện đồng thuận ly

hôn trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nên có cơ sở để Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn của bà V và ông C.

[2.2] *Về con chung*: Bà V và ông C có 02 (hai) con chung tên Vũ Kim Ng, giới tính nữ, sinh ngày 31/10/2014 và Vũ Công M, giới tính nam, sinh ngày 03/01/2020. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Công M, giao trẻ Vũ Kim Ng cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Ông C không đồng ý với yêu cầu của bà V, đề nghị được nuôi hai con chung, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Theo ý kiến trình bày và tài liệu, chứng cứ của bà V, ông C cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bà V, ông C đều có nơi ở ổn định, có đủ thời gian để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Về thu nhập thực tế thì mặc dù ông C có mức thu nhập cao hơn bà V, tuy nhiên cả hai đều có công việc, tiền lương ổn định (bà V làm việc cho Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình, ông C làm việc cho Công ty CP Auto Home). Ngoài ra, trong thời gian bà V không còn chung sống với ông C thì bà đã trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vũ Kim Ng, ông C cũng không gửi tiền hỗ trợ nuôi con nên có căn cứ xác định bà V vẫn đủ khả năng tài chính để đảm bảo trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Theo kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện không năm được mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà V, ông C, không có thông tin về việc đánh đập, bạo hành con chung.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định cả bà V và ông C đều có đủ điều kiện theo quy định pháp luật để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển ổn định.

Đối với trẻ Vũ Công M, giới tính nam, sinh ngày 03/01/2020, trẻ Minh tuổi còn nhỏ (hơn 3 tuổi), đang ở độ tuổi phát triển mạnh về thể chất, vận động, tâm lý, tư duy và vẫn cần sự hỗ trợ trực tiếp trong các hoạt động sinh hoạt hàng ngày nên việc giao trẻ Minh cho mẹ là bà V, làm việc trong ngành y tế (hộ lý) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Đối với trẻ Vũ Kim Ng, giới tính nữ, sinh ngày 31/10/2014 có ý kiến mong muốn được ở với bố khi ba mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy ông C có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, trẻ Ngân cũng có mong muốn được ở với bố nên việc giao trẻ Ngân cho ông C nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của bé Ngân. Ngoài ra, việc giao bé Ngân cho ông C là người có mức thu nhập cao hơn cũng cần thiết để bé Ngân có điều kiện tốt hơn trong việc tham gia các khóa, lớp học nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng ở nhiều lĩnh vực.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà V, giao con chung là Vũ Công M, giới tính nam, sinh ngày 03/01/2020 cho bà V; giao con chung là Vũ Kim Ng, giới tính nữ, sinh ngày 31/10/2014

cho ông C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà V và ông C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà V và ông C đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác nếu có tranh chấp.

[3] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] *Về án phí:* Do các bên đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí đối với yêu cầu ly hôn, bà V và ông C mỗi người chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà V được hoàn lại một phần tiền đã đóng tạm ứng án phí khi khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Nguyễn Thanh V:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Nguyễn Thanh V và ông Vũ Lê C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Vũ Công M, giới tính nam, sinh ngày 03/01/2020 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Vũ Kim Ng, giới tính nữ, sinh ngày 31/10/2014 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng; bà V, ông C không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà V, ông C và gia đình không được cản trở ông C, bà V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho ông C bằng một vụ án khác để tranh chấp về tài sản chung sau khi ly hôn nếu có tranh chấp.

2. Về án phí:

Bà Lê Nguyễn Thanh V và ông Vũ Lê C mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 75.000 (*Bảy mươi lăm ngàn*) đồng; bà V được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng đã nộp theo biên lai số 0018008 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, hoàn lại cho bà V số tiền 225.000 (hai trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương